

NGHỊ QUYẾT

Về kết quả giám sát chuyên đề “tình hình thực hiện chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2020 - 2025”

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 114/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân;

Trên cơ sở xem xét Báo cáo số 274/BC-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát chuyên đề “tình hình thực hiện chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2020 - 2025”; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đánh giá kết quả giám sát chuyên đề “tình hình thực hiện chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2020 - 2025”

1. Kết quả đạt được

Việc thực hiện chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2025 được các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ và các địa phương đã chủ động triển khai các quy định về cử tuyển, từ việc rà soát nhu cầu đào tạo, xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức xét tuyển, quản lý học sinh, sinh viên đến thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật. Công tác tuyển sinh cử tuyển cơ bản gắn với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của địa phương; việc xác định ngành chuyên môn đào tạo, quản lý người học và bảo đảm các chế độ, chính sách được thực hiện tương đối đồng bộ, góp phần bảo đảm quyền lợi của học sinh, sinh viên cử tuyển. Qua đó, tạo điều kiện

để học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tham gia chính sách cử tuyển, góp phần giảm bớt khó khăn trong học tập, từng bước tạo nguồn nhân lực cho địa phương vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

2. Hạn chế, bất cập

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số vẫn còn một số hạn chế, bất cập, cụ thể như sau:

a) Việc đề xuất nhu cầu cử tuyển chưa thực sự gắn với dự báo vị trí việc làm và nhu cầu tuyển dụng công chức, viên chức trong trung hạn, dài hạn theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.

b) Cơ cấu ngành đào tạo cử tuyển tập trung vào nhóm ngành sư phạm trong khi nhu cầu nguồn nhân lực ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay còn rất lớn ở các lĩnh vực như y tế, nông nghiệp, lâm nghiệp, quản lý đất đai, công nghệ thông tin, quản lý văn hóa.

c) Công tác tư vấn, định hướng nghề nghiệp, tuyên truyền về quyền lợi, nghĩa vụ của người học theo chế độ cử tuyển và công tác tạo nguồn tại một số địa phương chưa thật sự hiệu quả; tỷ lệ học sinh trúng tuyển nhưng không nhập học còn ở mức cao.

d) Kết quả bố trí việc làm cho sinh viên cử tuyển sau tốt nghiệp của giai đoạn trước còn thấp, làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực hiện chính sách cử tuyển, quyền lợi chính đáng của người học và hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước đã đầu tư cho công tác đào tạo.

3. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

a) Nguyên nhân khách quan

Việc thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đã làm thay đổi nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của địa phương so với thời điểm đăng ký đào tạo cử tuyển. Nhu cầu nguồn nhân lực, cơ cấu vị trí việc làm và quy định về tuyển dụng công chức, viên chức có sự điều chỉnh theo từng giai đoạn, ảnh hưởng đến việc bố trí, sử dụng sinh viên cử tuyển sau tốt nghiệp. Bên cạnh đó, đối tượng cử tuyển chủ yếu là học sinh thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; điều kiện học tập, tiếp cận thông tin, định hướng lựa chọn ngành nghề còn hạn chế, ảnh hưởng nhất định đến việc lựa chọn ngành đào tạo và đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương.

b) Nguyên nhân chủ quan

Công tác rà soát, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực, xác định chỉ tiêu, cơ cấu ngành đào tạo cử tuyển tại một số địa phương chưa gắn chặt với quy hoạch nguồn nhân lực, vị trí việc làm và nhu cầu sử dụng công chức, viên chức. Việc phối hợp, chuẩn bị phương án tiếp nhận, sử dụng sinh viên cử tuyển sau tốt nghiệp theo nhu cầu đăng ký chưa bảo đảm tính liên kết giữa đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực.

Điều 2. Giải pháp khắc phục những hạn chế, bất cập

Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Rà soát, dự báo nhu cầu đào tạo và lộ trình sử dụng nguồn nhân lực của các địa phương theo từng giai đoạn, làm cơ sở xác định chỉ tiêu và cơ cấu ngành đào tạo cử tuyển phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cần có của địa phương; xây dựng kế hoạch tuyển sinh cử tuyển giai đoạn tiếp theo phù hợp với tình hình sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trong giai đoạn 2026 - 2030.

2. Chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát toàn bộ sinh viên cử tuyển đã tốt nghiệp nhưng chưa được bố trí việc làm; xác định cụ thể số lượng, ngành đào tạo, thời điểm tốt nghiệp, địa phương đăng ký nhu cầu sử dụng để xây dựng kế hoạch, lộ trình giải quyết phù hợp.

3. Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã nghiêm túc triển khai thực hiện các kiến nghị được nêu tại Mục 2, Mục 3 và Mục 4 Phần IV của Báo cáo số 274/BC-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2026.

4. Hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả tuyển sinh, đào tạo, tốt nghiệp và bố trí việc làm đối với sinh viên cử tuyển nhằm tăng cường công tác giám sát và đánh giá hiệu quả chính sách.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập đã được chỉ ra; tổ chức thực hiện kiểm tra, tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách cử tuyển, bảo đảm gắn kết giữa đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực và yêu cầu phát triển của địa phương. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định và theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh để phục vụ hoạt động giám sát.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc triển khai các nhiệm vụ về rà soát nhu cầu đào tạo, xác định chỉ tiêu, cơ cấu ngành đào tạo cử tuyển; quản lý, cập nhật thông tin

học sinh, sinh viên cử tuyển; nâng cao chất lượng đào tạo, hiệu quả tiếp nhận, bố trí, sử dụng sinh viên cử tuyển sau tốt nghiệp.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp; chủ động rà soát, đề xuất nhu cầu đào tạo cử tuyển phù hợp với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác tạo nguồn, lựa chọn, quản lý, theo dõi, hỗ trợ học sinh, sinh viên cử tuyển trong quá trình đào tạo; kịp thời báo cáo, đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIV, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Đức Tuy